

Biểu mẫu 05

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2020 - 2021

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	917	34	43	34	9
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	35 tiết/tuần	35 tiết/tuần	35 tiết/tuần	35 tiết/tuần	35 tiết/tuần
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	100%	100%	100%	100%	100%
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tặng BHYT+BHTN; 1 bộ Đồng phục; Góc học tập	Tặng BHYT+BHTN; 1 bộ Đồng phục; Góc học tập	Tặng BHYT+BHTN; 1 bộ Đồng phục; Góc học tập	Tặng BHYT+BHTN; 1 bộ Đồng phục; Góc học tập	Tặng BHYT+BHTN; 1 bộ Đồng phục; Góc học tập
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	941	989	1176	845	496
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	25	5	6	5	0

Bình Tân, ngày 11 tháng 01 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Võ Thuong Binh

Biểu mẫu 06

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2020-2021 (cuối HKI)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	4490	996	984	1169	844	497
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1998	517	419	530	343	189
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	4490	996	984	1169	844	497
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	3932 (87,6%)	619 (62,1 %)	928 (94,3%)	1085 (92,8%)	813 (96,3%)	487 (98 %)
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	525 (11,7%)	344 (34,5%)	56 (5,7%)	84 (7,2%)	31 (3,7%)	10 (2%)
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	33 (0,7%)	33 (3,4%)	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	4490	996	984	1169	844	497
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	2880 (64,1%)	670 (67,3%)	679 (69%)	761 (65,1%)	512 (60,7%)	258 (51,9%)
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1400 (31,2%)	275 (27,6%)	276 (28%)	338 (28,9%)	295 (35%)	216 (43,5%)
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	210 (4,7%)	51 (5,1%)	29 (3%)	70 (6%)	37 (4,3%)	23 (4,6%)
V	Tổng hợp kết quả cuối học kỳ 1	4490	996	984	1169	844	497
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	/	/	/	/	/	/

Bình Tân, ngày 11 tháng 01 năm 2021

Thư trưởng đơn vị



Võ Phương Bình

Biểu mẫu 07

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	69	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	37	-
2	Phòng học bán kiên cố	32	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	11935	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2000	
VI	Tổng diện tích các phòng	3312	
1	Diện tích phòng học (m ²)	48/1P	
2	Diện tích thư viện (m ²)	80	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	192/4P	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	240/4P	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	49	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	15	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	12	12/21 (chương trình cũ)
1.2	Khối lớp 2	3	3/22
1.3	Khối lớp 3	3	3/24
1.4	Khối lớp 4	5	5/18

1.5	Khối lớp 5	5	5/10
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	21	Chương trình mới
2.2	Khối lớp 2	19	
2.3	Khối lớp 3	21	
2.4	Khối lớp 4	13	
2.5	Khối lớp 5	5	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	209	4500/209 bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	70	70/95
2	Cát xét	13	13/95
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Laptop	05	TT Đại Việt hỗ trợ 02 cái
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	20
XI	Nhà ăn	120

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	
XIII	Khu nội trú	0	0	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	9	14	7/7	294	147/147
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	

XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		X
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Bình Tân, ngày 11 tháng 01 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Võ Phương Bình

Biểu mẫu 08

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp 2019-2020			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	128	0	2	100	18	8	0	60	32	31	45	69		
	Giáo viên	120	0	1	96	16	7	0	60	30	30	42	69		
I	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	93		0	76	10	7		44	28	21	34	53		
1	Tiếng dân tộc	0													
2	Ngoại ngữ	14			10	4			10		4	4	10		
3	Tin học	3			2	1			2		1				
4	Âm nhạc	2			2					1	1	1	1		
5	Mỹ thuật	2			2						2	1	1		
6	Thể dục	6		1	4	1			4	1	1	2	4		
II	Cán bộ quản lý	3		1	2					2	1	3			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2		2			
III	Nhân viên	5			2	2	1								
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1				1									
3	Nhân viên Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện – thiết bị	1				1									
6	Nhân viên Bảo vệ	0													

Bình Tân, ngày 11 tháng 01 năm 2021

Thư trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Võ Dương Bình